

Bản án số : **195/2025/DS-PT**

Ngày: 20/5/2025

V/v: “Tranh chấp yêu cầu công nhận di chúc, tuyên vô hiệu hợp đồng công chứng, huỷ chỉnh lý biến động GCNQSDĐ, huỷ GCNQSDĐ, giao quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán:

ông **Đặng Kim Nhân**

ông **Phùng Anh Dũng**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Thị Dung**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp yêu cầu công nhận di chúc, tuyên vô hiệu hợp đồng công chứng, huỷ chỉnh lý biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2024/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1193/2025/QĐPT-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Hoàng Thế S (H6)**, sinh năm 1941; địa chỉ cư trú: **H Paulhaus Way E, CA 95758-8024 USA**.

+ Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: **số B đường L, Phường D, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh** (theo Giấy uỷ quyền ngày 26/9/2023); có mặt.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông **Nguyễn Quang H1**, bà **Nguyễn Thị H2** và ông **Trần Văn T**, Luật sư của **Văn phòng L5**

thuộc đoàn Luật sư N; địa chỉ cư trú: số D đường N, phường L, thành phố V, Nghệ An; Luật sư H1 có mặt.

2. Bị đơn: bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: số B đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

+ Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: ông Mai Duy P, sinh năm 1984 và ông Mai Quốc V, sinh năm 1994; cùng địa chỉ cư trú: số H đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Theo Giấy uỷ quyền ngày 11/01/2024); đều có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Trung tâm hành chính thành phố Đ, số B đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phan Thị H3 - chức vụ: Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận H, thành phố Đà Nẵng. (Theo Giấy uỷ quyền số 01/UQ-UBND ngày 09/01/2024); xin xét xử vắng mặt.

3.2. Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ; địa chỉ: Tầng A, Trung tâm hành chính thành phố Đ, số B đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phan Thị H3 - chức vụ: Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận H, thành phố Đà Nẵng; xin xét xử vắng mặt.

3.3. Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: số E đường Q, quận H, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy uỷ quyền số 18/UQ-VPĐKĐĐ ngày 05/01/2024). Người đại diện theo uỷ quyền: bà Phan Thị H3 - chức vụ: Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận H, thành phố Đà Nẵng; xin xét xử vắng mặt.

3.4. Phòng Công chứng số 1 thành phố Đ; địa chỉ: số A đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện: bà Nguyễn Thị Bích V1 - Chức vụ: Công chứng viên Phó Trưởng phòng phụ trách; vắng mặt.

3.5. Bà Hoàng Thị B (B1), sinh năm 1943; địa chỉ cư trú: số C đường H, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

3.6. Ông Hà Thế A, sinh năm 1951; địa chỉ cư trú: số B đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

3.7. Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1947; địa chỉ cư trú: H P, A, CA 85943, Hoa Kỳ; vắng mặt.

3.8. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1964; nơi thường trú: số A M, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: số B đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

+ Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: số B đường L, Phường D, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3.9. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: số A M, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3.10. Ông Hoàng Ngọc D, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: số A M, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3.11. Bà Hoàng Thị Kim C1, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: số A M, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3.12. Bà Hoàng Thị Ngọc O, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: số A M, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3.13. Ông Hoàng Ngọc C2, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: số A M, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3.14. Ông Hoàng Ngọc T1, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: số A M, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3.15. Bà Hoàng Thị Liên H4, sinh năm: 1980; địa chỉ cư trú: số A M, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3.16. Bà Hoàng Thị Bé E, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Tổ E T, quận T, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

3.17. Bà Hoàng Thị H5, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: số D X T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3.18. Bà Hoàng Thị L1, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ A phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

3.19. Bà Hoàng Thị Như T2, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

Người kháng cáo: nguyên đơn ông Hoàng Thế S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn trình bày:

Cụ ông Hoàng L2 (sinh năm 1917, chết ngày 23/12/1998) và cụ bà Huỳnh Thị E1 (sinh năm 1915, chết ngày 15/01/2009) có 05 người con chung, gồm các ông, bà: Hoàng Thế S, Hoàng Thị B2, Hoàng Thị B, Hoàng Thị C và Hoàng Thị Q. Các cụ không có con riêng hay con nuôi, cha mẹ của các cụ đều đã chết.

Quá trình sinh sống các cụ đã tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ số B đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng theo “Trích lục Sổ Nghiệp chủ nhà ở” được Sở X (cũ) cấp ngày 12/11/1988. Sau này, được UBND thành phố Đ cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021627 ngày 20/8/2002 có thửa đất số 299, tờ bản đồ số 6, diện tích 343,8m² (trong đó đất ở 255,4m² và đất vườn 88,4m² và 01 ngôi nhà 3 tầng + tầng lửng) mang tên bà Huỳnh Thị E1 và ông Hoàng L2 (chết). Sau đó được chia tách thành 03 thửa là: thửa 299 có diện tích 173,3m²; thửa 507 có diện tích 94,7m² và thửa 508 có diện tích 75,8m².

Trước khi chết các cụ lập di chúc mang tiêu đề “Tờ di chúc nội bộ” có nội dung di chúc: “Khi vợ chồng chúng tôi qua đời người con trai duy nhất là Hoàng Thế S, sinh năm 1941, được quyền thừa kế, sử dụng ngôi nhà do vợ chồng tôi để

lại... Tờ di chúc này được phổ biến trước hàng con trai, con gái, dâu, rể, cháu nội, ngoại một cách rõ ràng. Tất cả hàng con cháu chú tâm lắng nghe để thực hiện cho đúng và phải có quyết tâm bảo vệ ngôi nhà này”. Di chúc được UBND phường H chứng thực theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, vào ngày 24/9/2002 tại Phòng C bà Hoàng Thị Q tự ý hành động cá nhân lập Hợp đồng 3387HVLC/24.9.2002 có nội dung: Bà Huỳnh Thị E1 và ông Hoàng L2 (chết) tặng cho bà Hoàng Thị Q một phần diện tích 94,7m², trong đó đất ở 75,5m² và đất khuôn viên 19,2m². Bà Q đã thực hiện kê khai tách diện tích đất 94,7m² được cho và Sở Địa chính - Nhà đất thành phố Đà Nẵng xác nhận quyền sử dụng đất thể hiện tại Mục III trang bổ sung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3401021627 mang tên bà Huỳnh Thị E1 và ông Hoàng L2 (chết) do UBND thành phố Đ cấp ngày 20/8/2002. Ông Hoàng Thế S xác định hoàn toàn không có hợp đồng tặng cho nêu trên, vì thời điểm này cụ Hoàng L2 đã chết, còn cụ Huỳnh Thị E1 không ký vào hợp đồng tặng cho này.

Do vậy, diện tích đất 383,8m² đất ở tại các thửa đất số 299, 507, 508 tờ bản đồ số 6, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng và một ngôi nhà 3 tầng + gác lửng được xây dựng trên diện tích đất 255,4m² trước khi chết bố mẹ ông S đã lập di chúc để lại cho ông S.

Với nội dung sự việc như trên, ông S làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Tuyên bố di chúc do cụ ông Hoàng L2 và cụ bà Huỳnh Thị E1 lập ngày 16/9/1991 mang tiêu đề “Tờ di chúc nội bộ” có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

2. Tuyên bố Hợp đồng số 3387HVLC/24.9.2002 lập ngày 24/9/2002 giữa cụ bà Huỳnh Thị E1 và bà Hoàng Thị Q tại Phòng C là vô hiệu.

3. Hủy nội dung đăng ký biến động “ngày 24/09/2002 đã giải quyết cho một phần nhà đất cho bà Hoàng Thị Q. Bà Huỳnh Thị E1 và Ông Hoàng L2 (chết) cho 1 phần DTXD: 75,5m², DTSD: 284m², DT đất ở: 75,50m², DT đất KV: 19,20m² cho bà Hoàng Thị Q theo Hợp đồng số 3387HV1C/24.9.2002 của Phòng C. Lệ phí trước bạ không thu, đăng ký sang tên tại Sở Địa chính - Nhà đất thành phố Đà Nẵng ngày 10/12/2002” tại trang 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3401021627 do UBND thành phố Đ cấp ngày 20/8/2002 mang tên bà Huỳnh Thị E1 và ông Hoàng L2 (chết).

4. Hủy GCNQSDĐ cấp cho bà Hoàng Thị Q tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 6, diện tích 94,7m² địa chỉ phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

5. Giao cho ông Hoàng Thế S được quyền sử dụng diện tích đất ở 268m² tại các thửa số 299 và số 507, tờ bản đồ số 6, địa chỉ phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng và được quyền sở hữu ngôi nhà 3 tầng + tầng lửng được xây dựng trên diện tích đất được giao sử dụng theo Di chúc của bố mẹ lập ngày 16/9/1991. Ông S được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu và sử dụng nhà, đất theo quy định của pháp luật.

6. Chia diện tích đất ở 75,8m² tại thửa số 508, tờ bản đồ số 6, địa chỉ phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của cụ ông Hoàng L2 và cụ bà Huỳnh Thị E1 để lại theo quy định của pháp luật. Ông S xin được nhận đất và thời trả kỷ phần cho các đồng thừa kế.

* Bị đơn bà Hoàng Thị Q trình bày:

Cụ ông Hoàng L2 và cụ bà Huỳnh Thị E1 (đều đã chết) là cha mẹ của bà Hoàng Thị Q, giữa các cụ có 05 người con chung, khối tài sản chung là nhà và đất do các cụ tạo lập đúng như ý kiến của nguyên đơn.

Cụ L2 chết đã lâu (trước năm 2002) không có di chúc, 05 người con của cụ L2 và cụ E1 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất đã đồng ý từ chối nhận di sản của cụ L2 và để cho cụ E1 được nhận tất cả phần di sản của cụ L2 để lại. Năm 2002, cụ E1 đồng ý cho vợ chồng bà Hoàng Thị Q một phần tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 6, địa chỉ số B đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng dịch chuyển nhà ở lập ngày 24/9/2002 tại Phòng C thành phố Đà Nẵng, số công chứng 3387.

Vợ chồng bà Hoàng Thị Q và ông Hà Thế A được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021793 ngày 20/3/2003 theo hồ sơ gốc số 65386 và được ghi nhận tại Quyết định số 2029/QĐ-UB ngày 20/3/2003 của UBND thành phố Đ. Bà Q và ông A đã sử dụng ổn định, lâu dài và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Việc cụ E1 cho vợ chồng bà Q và ông A tài sản đều được các anh chị em trong gia đình còn lại đồng ý.

Vì vậy, bà Q đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Thế S đối với thửa đất số 507, tờ bản đồ số 6, địa chỉ số B đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng hiện đang đứng tên bà Hoàng Thị Q và ông Hà Thế A.

Đối với các thửa đất số 508 và số 299, tờ bản đồ số 6, địa chỉ số B đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng do cha mẹ của bà Q sau khi chết để lại thì bà Q đề nghị Tòa án tiến hành phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, cụ thể chia cho 05 anh chị em. Bà Q đề nghị nhận hiện vật là các thửa đất trên và thời trả kỷ phần cho các đồng thừa kế.

Đối với tờ di chúc nội bộ năm 1991 để lại di sản cho ông S tuy nhiên như bị đơn đã cung cấp thể hiện có 04 người còn gồm: Bưởi, B3, C và S đã từ chối nhận di sản theo các văn bản năm 2002.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hà Thế A trình bày:

Ông và bà Hoàng Thị Q là vợ chồng. Bà Q là con ruột của cụ ông Hoàng L2 và cụ bà Huỳnh Thị E1, giữa các cụ có 05 người con chung, khối tài sản chung là nhà và đất do các cụ tạo lập đúng như ý kiến của nguyên đơn.

Các cụ chết đã lâu (trước năm 2002) không có di chúc, 05 người con của các cụ là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất đã đồng ý từ chối nhận di sản của

cụ L2 và để cụ E1 nhận tất cả di sản của cụ L2 để lại. Năm 2002, cụ E1 đồng ý cho vợ chồng ông bà một phần tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 6, địa chỉ số B đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng dịch chuyển nhà ở lập ngày 24/9/2002 tại Phòng C, thành phố Đà Nẵng, sổ công chứng 3387.

Ông bà được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021793 ngày 20/3/2003 theo hồ sơ gốc số 65386 và được ghi nhận tại Quyết định số 2029/QĐ-UB ngày 20/3/2003 của UBND thành phố Đ. Ông bà đã sử dụng ổn định, lâu dài và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Việc cụ E1 cho vợ chồng ông bà tài sản đều được các anh chị em trong gia đình còn lại đồng ý.

Vì vậy, ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Thế S đối với thửa đất số 507, tờ bản đồ số 6, địa chỉ số B đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng hiện đang đứng tên bà Hoàng Thị Q và ông Hà Thế A.

Đối với các thửa đất số 508 và số 299, tờ bản đồ số 6, địa chỉ số B đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng do cha mẹ của bà Q sau khi chết để lại, đề nghị Tòa án tiến hành phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, cụ thể chia cho 05 anh chị em. Bà Q đề nghị nhận hiện vật là các thửa đất trên và thời trả kỷ phần cho các đồng thừa kế.

+ Bà Hoàng Thị C trình bày:

Bà là con ruột của ông Hoàng L2 và bà Huỳnh Thị E1. Trong quá trình chung sống, bố mẹ bà sinh được 05 người con và khối tài sản chung là nhà và đất do các cụ tạo lập đúng như ý kiến của nguyên đơn.

Bố bà chết đã lâu (trước năm 2002) không có di chúc, 05 người con là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất đã đồng ý từ chối nhận di sản của bố và để mẹ nhận tất cả di sản của bố để lại. Năm 2002, mẹ bà đồng ý cho vợ chồng em gái bà (Hoàng Thị Q và Hà Thế A) một phần tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại B T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng dịch chuyển nhà ở lập ngày 24/09/2002 tại Phòng công chứng số I thành phố Đ số công chứng 3387.

Vợ chồng em gái - Hoàng Thị Q và Hà Thế A được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐất và nhà ở số 3401021793 ngày 20/3/2003, theo hồ sơ gốc số 65386 và được ghi nhận tại Quyết định 2029/QĐ-UB ngày 20/03/2003 của UBND thành phố Đ. Vợ chồng em gái sử dụng ổn định, lâu dài và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Việc mẹ bà cho vợ chồng em gái tài sản trên đều được các anh chị em trong gia đình còn lại đồng ý kể cả ông Hoàng Thế S.

Vì vậy, bà đề nghị Toà án không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Thế S đối với thửa đất số 507, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại B T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng hiện đang đứng tên vợ chồng em gái là Hoàng Thị Q và Hà Thế A. Bà không hề biết và chưa bao giờ ký vào “Tờ di chúc nội bộ” lập ngày 16/09/1991 của ông Hoàng L2 và bà Huỳnh Thị E1.

Đối với các thửa đất số 299 và số 508, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng do bố mẹ bà sau khi mất để lại, bà đề nghị Toà án tiến hành việc phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật, cụ thể cho 05 anh chị em là hàng thừa kế thứ nhất được hưởng bao gồm: Hoàng Thị B2, Hoàng Thế S, Hoàng Thị B, bà (Hoàng Thị C) và Hoàng Thị Q. Trường hợp Bản án/Quyết định của Toà án, bà được hưởng một phần di sản đối với các thửa đất số 299 và số 508, thì đề nghị Toà án cho bà được hưởng toàn bộ kỷ phần theo quy định pháp luật.

Bà đề nghị Toà án cho phép được vắng mặt ở tất cả các phiên làm việc và xét xử tại Toà án có thẩm quyền (sơ thẩm và phúc thẩm nếu có).

+ Bà Hoàng Thị B (Bồng) trình bày:

Bà có Bản tự khai có nội dung tương tự Bản tự khai của bà Hoàng Thị C. Bà đề nghị Toà án không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Thế S đối với thửa đất số 507, tờ bản đồ số 06 tại B T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng hiện đang đứng tên vợ chồng em gái là Hoàng Thị Q và Hà Thế A. Bà không hề biết và chưa bao giờ ký vào “Tờ di chúc nội bộ” lập ngày 16/09/1991 của ông Hoàng L2 và bà Huỳnh Thị E1.

Đối với các thửa đất số 299 và số 508, tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng do bố mẹ sau khi mất để lại, bà đề nghị Toà án tiến hành việc phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật, cụ thể cho 05 anh chị em là hàng thừa kế thứ nhất được hưởng bao gồm: Hoàng Thị B2, Hoàng Thế S, Hoàng Thị B, tôi (Hoàng Thị C) và Hoàng Thị Q. Trường hợp Bản án/Quyết định của Toà án bà được hưởng một phần di sản đối với các thửa đất số 299 và số 508, thì đề nghị Toà án cho bà được hưởng toàn bộ kỷ phần theo quy định pháp luật.

Bà đề nghị Toà án cho phép được vắng mặt ở tất cả các phiên làm việc và xét xử tại Toà án có thẩm quyền (sơ thẩm và phúc thẩm nếu có).

+ Bà Hoàng Thị L trình bày:

Sinh thời ông bà ngoại của bà là cụ Hoàng L2 và cụ Huỳnh Thị E1 có tạo lập được khối tài sản là nhà và đất tại số B đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng theo Nghiệp chủ nhà ở số 439/TLNC do Sở X cấp ngày 12/11/1988 (nay là số B đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng thuộc các thửa đất số 299, 507, 508 tờ bản đồ số 06, địa chỉ phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng).

Ngày 16/9/1991, các cụ có lập “Tờ di chúc nội bộ” với nội dung: khi 02 ông bà qua đời thì người con trai duy nhất là ông Hoàng Thế S được quyền thừa kế sử dụng nhà đất nói trên. Di chúc này có sự chứng kiến ký tên của bà ký tên vào nội dung di chúc. Di chúc cũng có sự chứng kiến của tất cả 05 người con gồm các ông, bà: Hoàng Thế S, Hoàng Thị C, Hoàng Thị Q, Hoàng Thị B2, Hoàng Thị B; di chúc được UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng công chứng, đồng thời được phổ biến cho các con, dâu, rể, cháu nội, cháu ngoại một cách rõ ràng. Vậy nên bản thân bà và toàn bộ con, dâu, rể, cháu nội và cháu ngoại đều được biết và nắm rõ nội dung di chúc này. Nội dung di chúc thể hiện bà Hoàng Thị L được quyền ở trong ngôi nhà do ông bà ngoại để lại. Kể từ khi ông bà ngoại chết đến

nay bà vẫn thực hiện theo lời di chúc và vẫn ở trong ngôi nhà và quản lý trong coi ngôi nhà trên.

Tuy nhiên sau khi ông **Hoàng L2** chết thì bà **Hoàng Thị Q** đã tự ý hành động cá nhân, lập hợp đồng tặng cho giữa bà **Huỳnh Thị E1** và bà **Hoàng Thị Q** với nội dung “Ông **Hoàng L2** chết không để lại di chúc” được sự đồng thuận của các đồng thừa kế để kê khai tách diện tích đất 94,7m2 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở số 3401021793 ngày 20/03/2003 tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 06, **phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng**.

Việc làm này ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cậu bà là ông **Hoàng Thế S**. Vì vậy, ông **S** đã nộp đơn khởi kiện.

Nay bằng đơn này bà đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Hoàng Thế S**.

+ Bà **Hoàng Thị M** trình bày:

Bà là con ruột của ông **Hoàng Ngọc L3** (sinh năm 1931, chết năm 2021 theo giấy chứng tử số 38/2021/TLKT ngày 08/09/2021 của **UBND phường G, thành phố H**) và bà **Hoàng Thị B2** (sinh năm 1939, chết năm 2022 theo Giấy chứng tử số 126/2022/TLKT của **UBND phường G, thành phố H**).

Mẹ bà là con ruột của cụ ông **Hoàng L2** và cụ bà **Huỳnh Thị E1**. Trong quá trình sinh sống ông bà ngoại của bà có tạo lập được khối tài sản là nhà và đất đúng như ý kiến của phía nguyên đơn. Khi còn sống, cụ **Hoàng L2** và cụ **Huỳnh Thị E1** có lập “Tờ di chúc nội bộ” có nội dung khi hai cụ qua đời thì giao toàn bộ tài sản cho người con trai duy nhất là ông **Hoàng Thế S** được quyền thừa kế sử dụng. Tuy nhiên, sau khi cụ **Hoàng L2** chết, **Hoàng Thị Q** đã tự ý hành động cá nhân, lập hợp đồng tặng cho giữa cụ **Huỳnh Thị E1** và bà **Hoàng Thị Q** với nội dung “Ông **Hoàng L2** chết không để lại di chúc” được sự đồng thuận của các đồng thừa kế để kê khai tách diện tích đất 94,7m2 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở số 3401021793 ngày 20/03/2003 tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 06, địa chỉ **phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng**.

Việc làm trên của bà **Q** ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cậu bà là ông **Hoàng Thế S**. Vì vậy, ông **Hoàng Thế S** đã nộp đơn khởi kiện.

Nay bằng đơn này bà đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **S** và cho phép được vắng mặt ở tất cả các phiên làm việc và xét xử của Tòa án.

* Các ông (bà) gồm: Ông **Hoàng Ngọc D**, bà **Hoàng Thị Kim C1**, bà **Hoàng Thị Ngọc O**, ông **Hoàng Ngọc C2**, ông **Hoàng Ngọc T1**, bà **Hoàng Thị Liên H4**, bà **Hoàng Thị Bé E**, bà **Hoàng Thị H5**, bà **Hoàng Thị L1**, bà **Hoàng Thị Như T2** có Văn bản trình bày kiến giống với Văn bản trình bày của bà **Hoàng Thị M**. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Hoàng Thế S** và xin được vắng mặt ở tất cả các phiên làm việc và xét xử của Tòa án.

* Ủy ban nhân dân thành phố Đ, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ trình bày có tại hồ sơ vụ án và bà **Phan**

Thị H3 là người đại diện theo uỷ quyền thống nhất với các trình bày của các cơ quan nêu trên như sau:

Về nguồn gốc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021627 cấp cho bà **Huỳnh Thị E1** và ông **Hoàng L2** (chết)

Ngày 04/6/2000, cụ bà **Huỳnh Thị E1** và cụ ông **Hoàng L2** (chết) có đơn xin đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được **UBND phường H** xác nhận; theo đó thành phần hồ sơ gồm Trích lục nghiệp chủ số 439/TLNC do Sở Xây dựng QN-ĐN cấp ngày 12/11/1988, Giấy chứng nhận sổ nhà, Giấy chứng tử của ông **Hoàng L2**. Sở Địa chính - Nhà đất tiến hành xác lập biên bản hiện trạng ranh giới, mốc giới thửa đất, sơ đồ vị trí thửa đất và mặt bằng nhà và bảng tổng hợp hồ sơ nhà ở, đất ở.

Ngày 31/12/2001, Sở Địa chính - Nhà đất thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 16477/QĐ-ĐC-NĐ về việc cấp Giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở và cấp Giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021627 đứng tên **Huỳnh Thị E1** và **H** (chết) tại thửa đất số 299, tờ bản đồ số 6 **phường H II** với diện tích đất 343,8m² (trong đó đất ở 255,4m²; đất khuôn viên 88,4m²). Với tổng diện tích sử dụng 700,43m²; diện tích xây dựng 255,4m²; **phường H** Kết cấu nhà: tường xây mái đúc, sàn đúc; số tầng: 3+gác lửng.

Ngày 19/3/2002, cụ **Huỳnh Thị E1** có Giấy đề nghị làm lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở chính thức; theo đó **Cục Thuế thành phố Đ** ban hành các Thông báo số 2334/TB-CT ngày 05/4/2002 và Thông báo số 3742/TB-CT ngày 05/6/2002 về việc nộp các khoản thu về nhà, đất khi cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, cụ **Huỳnh Thị E1** đã thực hiện nộp nghĩa vụ tài chính theo quy định và được **UBND thành phố Đ** cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021627 ngày 30/8/2002 đối với thửa đất số 299, tờ bản đồ số 6, với diện tích: 343,8m² (trong đó: Đất ở 255,4m²; Đất vườn: 88,4m²) tại địa chỉ nhà, đất **số B T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng**.

Về biến động sử dụng đất của bà **Hoàng Thị Q**:

Ngày 24/9/2002, **Phòng C** thành phố Đà Nẵng đã xác lập Hợp đồng chuyển dịch nhà ở tặng cho một phần diện tích xây dựng là 75,5m²; diện tích sử dụng là 284m²; Diện tích đất ở là 75,5m²; Đất khuôn viên là 19,2m² giữa Bên bán (hoặc cho, chuyển đổi) nhà là cụ **Huỳnh Thị E1**, cụ **Hoàng L2** (chết) và Bên mua (hoặc nhận, chuyển đổi nhà) là bà **Hoàng Thị Q** theo Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số 3387 và đã được Sở Địa chính-Nhà đất (nay là **Sở T**) đăng ký biến động cho bà **Hoàng Thị Q** ngày 12/12/2002.

Về nguồn gốc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021793 cấp cho bà **Hoàng Thị Q** và ông **Hà Thế A**

Ngày 25/9/2002, bà **Hoàng Thị Q** có giấy thỏa thuận đồng sở hữu được **UBND phường H** xác nhận; trên cơ sở đó, ngày 20/3/2023, bà **Hoàng Thị Q** và ông **Hà Thế A** được **UBND thành phố Đ** cấp Giấy chứng nhận QSHN ở và QSD

đất ở số 3401021793 tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 6 phường H II với diện tích đất 94,7m² (trong đó đất ở 75,5m²; đất khuôn viên 19,2m²). Với tổng diện tích sử dụng 283,8m²; diện tích xây dựng 75,5m²; Kết cấu nhà: tường xây mái đúc, sàn đúc; số tầng: 3 + gác lửng.

UBND thành phố, Sở T thành phố, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được để xét xử đúng quy định pháp luật.

* Phòng C thành phố Đà Nẵng trình bày:

Sau khi xem xét hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất giữa cụ Hoàng Thị E, Hoàng L2 (đã chết) và bà Hoàng Thị Q được lưu trữ, Phòng C thành phố Đà Nẵng nhận thấy Công chứng viên của Phòng đã thực hiện việc chứng nhận đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định, theo yêu cầu và theo các giấy tờ xuất trình của các bên tham gia giao dịch. Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối và có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2024/DS-ST ngày 10/12/2024, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định: căn cứ các Điều 651, Điều 652, Điều 660 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 5 Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 37, các Điều 38, 147, 227, 230, 266, 267, 273, 474, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 665, 666, 671, 677, 678, 679 Bộ luật dân sự năm 1995; khoản 1 Điều 688, các Điều 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm h khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 44 Luật đất đai; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8 Luật Nhà ở năm 2023; Án lệ số 68/2023/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Thế S đối với các yêu cầu sau:

1. Không chấp nhận tuyên bố di chúc do cụ ông Hoàng L2 và cụ bà Huỳnh Thị E1 lập ngày 16/9/1991 mang tiêu đề “Tờ di chúc nội bộ” có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận tuyên bố Hợp đồng dịch chuyển nhà ở số C, Quyền sở HVLIC TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/9/2002 giữa bà Huỳnh Thị E1 và bà Hoàng Thị Q được lập tại Phòng C là vô hiệu.

3. Không chấp nhận yêu cầu hủy nội dung đăng ký biến động “ngày 24/09/2002 đã giải quyết cho một phần nhà đất cho bà Hoàng Thị Q. Bà Huỳnh Thị E1 và Ông Hoàng L2 (chết) cho 1 phần DTXD: 75,5 m², DTSD: 284 m², DT đất ở: 75,50 m², DT đất KV: 19,20m² cho bà Hoàng Thị Q theo Hợp đồng số 3387HV1C/24.9.2002 của Phòng C. Lệ phí trước bạ không thu, đăng ký sang tên tại Sở Địa chính - Nhà đất thành phố Đà Nẵng ngày 10/12/2002” tại trang 03 Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số 3401021627 do UBND thành phố Đ cấp ngày 20/8/2002 mang tên bà Huỳnh Thị E1 và ông Hoàng L2 (chết).

4. Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021793 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 20/3/2023 bà Hoàng Thị Q và ông Hà Thế A tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 6, diện tích 94,7m²; diện tích sử dụng 283,8m², diện tích xây dựng 75,5m²; Kết cấu nhà: Tường xây mái đúc, sàn đúc; số tầng 3 + gác lửng tại địa chỉ số B T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

5. Không chấp nhận yêu cầu “Tranh chấp về chia thừa kế” đối với tài sản là nhà và đất tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021793 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 20/3/2023 bà Hoàng Thị Q và ông Hà Thế A.

II. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế” của ông Hoàng Thế S đối với bà Hoàng Thị Q về việc chia di sản của cụ bà Huỳnh Thị E1 theo pháp luật.

1. Công nhận nhà và đất tại thửa đất số 299, tờ bản đồ số 6, địa chỉ số B (24 cũ) đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng có diện tích đất là 249,1m² (trong đó đất ở 179,9m²; đất khuôn viên 69,2m²); tổng diện tích sử dụng 416,63m²; diện tích xây dựng 179,9m², (có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021627 được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 30/8/2002 đứng tên bà Huỳnh Thị E1 và ông Hoàng L2 (chết)). Có tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 27.815.604.416 đồng (Hai mươi bảy tỷ. tám trăm mười lăm triệu, sáu trăm lẻ bốn nghìn, bốn trăm mười sáu đồng). Trong đó, gồm các thửa như sau:

- Thửa đất số 299 có diện tích đất là 173,3m² (đất ở 149,3m² và đất trồng cây lâu năm 24m²) và trên đất có công trình xây dựng là ngôi nhà 02 tầng + tầng lửng có diện tích xây dựng 149,3m²; diện tích sử dụng 382,13m²; có kết cấu: Móng đá và bê tông cốt thép, trụ, khung, dầm, sàn đúc bê tông cốt thép, tường xây gạch trát vữa sơn vôi (tường mặt tiền tô đã vữa), tường chung với tường nhà tại thửa đất số 507, nền lót gạch hoa và gạch men. Có giá trị là 26.128.214.383 đồng (Hai mươi sáu tỷ, một trăm hai mươi tám triệu, hai trăm mười bốn nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng).

- Thửa đất số 508 có diện tích đất là 75,8m² (đất ở 30,6m² và đất trồng cây lâu năm 45,2m²) và trên đất có công trình xây dựng là nhà kho có kết cấu tường xây gạch, mái tôn, xà gồ gỗ có diện tích xây dựng 18m² và phần mái tôn có diện tích xây dựng 12,6m². Có giá trị là 1.681.956.033 đồng (một tỷ, sáu trăm tám mươi một triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi ba đồng).

Là di sản của cụ bà Huỳnh Thị E1, được chia cho những người thuộc hàng thừa kế của cụ bà Huỳnh Thị E1, gồm các ông (bà): Ông Hoàng Thế S, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị Q và bà Hoàng Thị B2 (chết).

2. Kỷ phần của bà Hoàng Thị B2 do các ông (bà): Bà Hoàng Thị M, ông Hoàng Ngọc D, bà Hoàng Thị L, bà Hoàng Thị Kim C1, bà Hoàng Thị Ngọc O,

bà Hoàng Ngọc C2, bà Hoàng Ngọc T1, bà Hoàng Thị Liên H4, bà Hoàng Thị Bé E, bà Hoàng Thị H5, bà Hoàng Thị L1, bà Hoàng Thị Như T2 nhận.

3. Giao cho ông Hoàng Thế S được nhận quyền sở hữu, sử dụng 01 (một) ngôi nhà 02 tầng + tầng lửng; kết cấu: móng đá và bê tông cốt thép, trụ, khung, dầm, sàn đúc bê tông cốt thép, tường xây gạch trát vữa sơn vôi (tường mặt tiền tô đã vữa), tường chung với tường nhà tại thửa đất số 507, nền lót gạch hoa và gạch men; diện tích xây dựng 149,3m², diện tích sử dụng 382,13m² tại thửa đất số 299, tờ bản đồ số 6, địa chỉ số B T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

4. Giao cho bà Hoàng Thị Q được nhận quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất ở 75,8m² và 01 (một) nhà kho có kết cấu tường xây gạch, mái tôn, xà gồ gỗ có diện tích xây dựng 18m² và phần mái tôn có diện tích xây dựng 12,6m² tại thửa đất số 508, tờ bản đồ số 6, địa chỉ số B T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

(Diện tích nhà và đất giao cho ông Hoàng Thế S và bà Hoàng Thị Q có sơ đồ kèm theo).

5. Buộc ông Hoàng Thế S phải thôi trả kỷ phần cho các đồng thừa kế như sau:

+ Thôi trả cho bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị C mỗi người số tiền là 5.563.120.883 đồng (Năm tỷ, năm trăm sáu mươi ba triệu, một trăm hai mươi nghìn, tám trăm tám mươi ba đồng).

+ Thôi trả cho bà Hoàng Thị Q số tiền là 3.881.164.850 đồng (Ba tỷ, tám trăm mười một triệu, một trăm sáu mươi tư nghìn, tám trăm năm mươi đồng).

+ Những người thuộc hàng thừa kế của bà Hoàng Thị B2 gồm các ông (bà): Bà Hoàng Thị M, ông Hoàng Ngọc D, bà Hoàng Thị L, bà Hoàng Thị Kim C1, bà Hoàng Thị Ngọc O, bà Hoàng Ngọc C2, ông Hoàng Ngọc T1, bà Hoàng Thị Liên H4, bà Hoàng Thị Bé E, bà Hoàng Thị H5, bà Hoàng Thị L1, bà Hoàng Thị Như T2 được nhận số tiền là 5.560.034.083 đồng (Năm tỷ, năm trăm sáu mươi triệu không trăm ba mươi tư nghìn, không trăm tám mươi ba đồng). Cụ thể mỗi người được nhận từ ông S thôi trả là 463.593.406 đồng (Bốn trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm lẻ sáu đồng).

6. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thì các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

7. Buộc ông Hoàng Thế S phải nộp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021627 được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 30/8/2002 đứng tên bà Huỳnh Thị E1 và ông Hoàng L2 (chết) cho cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi lại Giấy chứng nhận. Trường hợp ông S không nộp thì bà Hoàng Thị Q được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quy định về chậm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 11/12/2024, nguyên đơn ông **Hoàng Thế S**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hoàng Thị L** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bà **L** yêu cầu xem xét tính công sức chăm sóc nuôi dưỡng cụ **Huỳnh Thị E1** và cụ **Huỳnh Thị L4** khi còn sống và công sức quản lý di sản từ sau khi 2 cụ chết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông **Hoàng Thế S**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hoàng Thị L**; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2024/DS-ST ngày 10/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngày 11/12/2024, nguyên đơn ông **Hoàng Thế S**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hoàng Thị L** kháng cáo Bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của các đương sự, do các đương sự kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện các vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án như sau:

[2.1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn ông **Hoàng Thế S** khởi kiện đối với bị đơn bà **Hoàng Thị Q** về việc “Tranh chấp yêu cầu công nhận di chúc, tuyên vô hiệu hợp đồng công chứng, huỷ chỉnh lý biên động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế”, việc giải quyết vụ án có liên quan đến đương sự ở nước ngoài, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 3, 9 Điều 26, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: tại phiên tòa sơ thẩm, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1]. Về nguồn gốc tài sản tranh chấp:

Nhà và đất tại địa chỉ **số B (28 mới) đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng** là tài sản của cụ ông **Hoàng L2** và cụ bà **Hoàng Thị E** được **Sở X** (cũ)

cấp “Trích lục Sổ nghiệp chủ nhà ở” số 439/TLNC ngày 12/11/1988 đứng tên ông **Hoàng L2** và bà **Huỳnh Thị E1**. Ngày 31/12/2001, Sở Địa chính - Nhà đất ban hành Quyết định số 16477/QĐ-ĐC-NĐ về việc cấp Giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở và cấp Giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021627 cho cụ **Huỳnh Thị E1** và cụ **Hoàng L2** (chết) có thửa đất số 299, tờ bản đồ số 6, địa chỉ **số B T, phường H II** với diện tích đất 343,8m² (trong đó đất ở 255,4m²; đất vườn 88,4m²); tổng diện tích sử dụng 700,43m²; diện tích xây dựng 255,4m²; kết cấu nhà: tường xây mái đúc, sàn đúc; số tầng 3 + gác lửng.

Ngày 19/3/2002, cụ **E1** có giấy đề nghị làm lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở chính thức; sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước ngày 30/8/2002, **UBND thành phố Đ** cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021627 cho cụ **E1** và cụ **Hoàng L2** (chết) đối với thửa đất, tờ bản đồ, diện tích đất cũng như diện tích sử dụng, diện tích xây dựng và kết cấu nhà tại địa chỉ nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự cũng thừa nhận nguồn gốc ban đầu của nhà, đất nêu trên do cụ **L2**, cụ **E1** tạo lập, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2.2]. Xét “Tờ di chúc nội bộ” ngày 16/9/1991:

Ngày 16/9/1991, cụ **L2**, cụ **E1** lập “Tờ di chúc nội bộ”, có nội dung: “Khi vợ chồng chúng tôi qua đời người con trai duy nhất là **Hoàng Thế S**, sinh năm 1941, được quyền thừa kế, sử dụng ngôi nhà do vợ chồng tôi để lại... Tờ di chúc này được phổ biến trước hàng con trai, con gái, dâu, rể, cháu nội, ngoại một cách rõ ràng. Tất cả hàng con cháu chú tâm lắng nghe để thực hiện cho đúng và phải có quyết tâm bảo vệ ngôi nhà này”. Di chúc có đầy đủ chữ ký của cụ **L2**, cụ **E1** và 5 người con cùng ký tên và điểm chỉ, được **UBND phường H** chứng thực theo quy định của pháp luật. Theo nội dung của di chúc thì nhà và đất được cụ **L2** và cụ **E1** để lại cho ông **Hoàng Thế S** là nhà và đất tại “Trích lục Sổ Nghiệp chủ nhà ở” số 439/TLNC do **Sở X** (cũ) cấp ngày 12/11/1988.

Theo quy định tại Điều 671 của Bộ luật Dân sự năm 1995: “Trong trường hợp vợ chồng lập di chúc chung mà có một người chết trước, thì chỉ có phần di chúc liên quan đến phần di sản của người chết trong tài sản chung đó có hiệu lực pháp luật...”. Sau khi cụ **L2** chết ngày 23/12/1998, “Tờ di chúc nội bộ” có hiệu lực pháp luật đối với phần di sản của cụ **L2**. Tuy nhiên, đến năm 2002, cả 05 người con của cụ **L2**, cụ **E1** lập các “Tờ thỏa thuận” có cùng nội dung “Các ông, bà người thừa kế của cụ **Hoàng L2** (chết) và bà **Huỳnh Thị E1** (sống) là đồng sở hữu căn số 28 **T, tổ D, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng**. Các ông bà thỏa thuận đồng ý để cho bà **Hoàng Thị E** được quyền dùng toàn bộ ngôi nhà trên thuộc quyền thừa kế của ông bà để thờ phụng và cho con **Hoàng Thị Q** một phần ngôi nhà”; cụ thể: bà **Hoàng Thị Q** có “Tờ thỏa thuận” ngày 21/3/2002; Bà **Hoàng Thị B**, bà **Hoàng Thị B2** có “Tờ thỏa thuận” ngày 25/3/2002 đều được **UBND** nơi cư trú chứng thực chữ ký; Bà **Hoàng Thị C** và ông **Hoàng Thế S** cũng có “Tờ thỏa thuận” ngày 01/4/2002 được Công chứng viên **Kim Thoa V2** là tại **Tiểu bang C**,

Hoa Kỳ chứng thực chữ ký ngày 01/4/2002. Nội dung này cũng được 04 trong 05 người con của các cụ thừa nhận, chỉ có ông **Hoàng Thế S** không thừa nhận có ký Tờ thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Hoàng Thế S** không yêu cầu giám định chữ ký của ông **S** tại “Tờ thỏa thuận” nêu trên nên Toà án cấp sơ thẩm không thực hiện thủ tục giám định là đúng pháp luật.

Như vậy, khi các đương sự lập “Tờ thỏa thuận” thể hiện ý chí toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 299 thuộc quyền sử dụng định đoạt của cụ **E**, ông **S** cũng đồng ý và không có ý kiến gì. Do đó, tính đến năm 2002, nội dung “Tờ di chúc nội bộ” về việc định đoạt tài sản của cụ **L2** cho ông **S** không còn giá trị pháp lý. Từ thời điểm này toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 299, tờ bản đồ số 6, địa chỉ **số B T, phường H II** với diện tích đất 343,8m² (trong đó đất ở 255,4m²; đất vườn 88,4m²); tổng diện tích sử dụng 700,43m²; diện tích xây dựng 255,4m²; kết cấu nhà: tường xây mái đúc, sàn đúc; số tầng 3 + gác lửng thuộc quyền sử dụng định đoạt của cụ **E**.

[2.2.3]. Xác định di sản thừa kế:

Trên cơ sở các “Tờ thỏa thuận” nêu trên, ngày 24/9/2002 **Phòng C** thành phố Đà Nẵng đã xác lập Hợp đồng chuyển dịch nhà ở tặng cho một phần diện tích xây dựng là 75,5m²; diện tích sử dụng là 284m²; diện tích đất ở là 75,5m²; đất khuôn viên là 19,2m² giữa Bên bán (hoặc cho, chuyển đổi) nhà là cụ **Huỳnh Thị E1** và cụ **Hoàng L2** (chết) và Bên mua (hoặc nhận, chuyển đổi nhà) là bà **Hoàng Thị Q** theo Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số 3387, quyền sở HVLC TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/9/2002 và được Sở Địa chính - Nhà đất thành phố Đà Nẵng đăng ký biến động cho bà **Hoàng Thị Q** vào ngày 12/12/2002. Đến ngày 20/3/2023, bà **Q** và ông **Hà Thế A** được **UBND thành phố Đ** cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021793.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 664 Bộ luật dân sự năm 1995: “Khi vợ hoặc chồng muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc chung... nếu một người đã chết thì người kia chỉ có thể sửa đổi, bổ sung di chúc liên quan đến phần tài sản của mình”; khoản 1 Điều 665 Bộ luật Dân sự năm 1995: “Người lập di chúc có thể sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc đã lập vào bất cứ lúc nào”. Trong trường hợp này cụ **E1** có quyền thay đổi di chúc đối với phần di sản là nhà và đất của mình.

Như đã nhận định tại mục [2.2.2], việc cụ **E1** lập Hợp đồng chuyển dịch nhà ở tặng cho một phần diện tích xây dựng là 75,5m²; diện tích sử dụng là 284m²; diện tích đất ở là 75,5m²; đất khuôn viên là 19,2m² cho bà **Hoàng Thị Q** và được Sở Địa chính - Nhà đất thành phố Đà Nẵng đăng ký biến động cho bà **Hoàng Thị Q** vào ngày 12/12/2002 là phù hợp với Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 1995.

Ngày 25/9/2002, bà **Q** có giấy thỏa thuận đồng sở hữu được **UBND phường H** xác nhận; trên cơ sở đó, ngày 20/3/2023, bà **Q** và ông **Hà Thế A** được **UBND thành phố Đ** cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021793 tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 6 **phường H II** với diện tích đất 94,7m² (trong đó đất ở 75,5m²; đất khuôn viên 19,2m²), diện tích sử dụng 283,8m²;

diện tích xây dựng 75,5m²; kết cấu nhà: tường xây mái đúc, sàn đúc; số tầng 3 + gác lửng.

Do đó, di sản thừa kế của cụ **Huỳnh Thị E1** được xác định còn lại là nhà và đất tại thửa đất số 299, tờ bản đồ số 6, địa chỉ **số B (24 cũ) đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng** tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021627 được **UBND thành phố Đ** cấp ngày 30/8/2002 đứng tên bà **Huỳnh Thị E1** và ông **Hoàng L2** (chết) còn lại có diện tích đất là 249,1m² (trong đó đất ở 179,9m²; đất khuôn viên 69,2m²); tổng diện tích sử dụng 416,63m²; diện tích xây dựng 179,9m². Thửa đất nêu trên theo Phiếu thông tin của **Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ** và Sơ đồ kỹ thuật thửa đất cũng như tại phiên toà, các đương sự khai nhận thửa đất trên gồm có 02 thửa (299 và 508) với tổng giá trị là 27.810.107.416 đồng (hai mươi bảy tỷ, tám trăm mười triệu, một trăm linh bảy nghìn, bốn trăm mười sáu đồng), trong đó:

- Thửa số 299 có diện tích đất là 173,3m² (đất ở 149,3m² và đất trồng cây lâu năm 24m²) và trên đất có công trình xây dựng là ngôi nhà 02 tầng + tầng lửng có diện tích xây dựng 149,3m²; diện tích sử dụng 382,13m²; có kết cấu: Móng đá và bê tông cốt thép, trụ, khung, dầm, sàn đúc bê tông cốt thép, tường xây gạch trát vữa sơn vôi (tường mặt tiền tô đã vữa), tường chung với tường nhà tại thửa đất số 507, nền lót gạch hoa và gạch men. Có giá trị là 26.128.214.383 đồng (hai mươi sáu tỷ, một trăm hai mươi tám triệu, hai trăm mười bốn nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng).

- Thửa số 508 có diện tích đất là 75,8m² (đất ở 30,6m² và đất trồng cây lâu năm 45,2m²) và trên đất có công trình xây dựng là nhà kho có kết cấu tường xây gạch, mái tôn, xà gồ gỗ có diện tích xây dựng 18m² và phần mái tôn có diện tích xây dựng 12,6m². Có giá trị là 1.681.956.033 đồng (một tỷ, sáu trăm tám mươi một triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi ba đồng).

[2.2.4]. Hàng thừa kế, chia di sản thừa kế:

Ngày 15/01/2009, cụ **Huỳnh Thị E1** chết không để lại di chúc nên căn cứ khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

Tổng giá trị di sản của cụ **E1** là 27.810.107.416 đồng, được chia cho 05 kỷ phần bằng nhau cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ **E1** gồm 05 người con gồm các ông, bà: (1) **Hoàng Thế S**, (2) **Hoàng Thị B** (Bòn), (3) **Hoàng Thị C**, (4) **Hoàng Thị Q** và (5) **Hoàng Thị B2** (chết năm 2022, có chồng là ông **Hoàng Ngọc L3** chết năm 2021 và có 12 người con chung, kỷ phần của bà **B2** sẽ do 12 người con nhận thừa kế chuyển tiếp gồm các ông, bà: (1) **Hoàng Thị M**, (2) **Hoàng Ngọc D**, (3) **Hoàng Thị L**, (4) **Hoàng Thị Kim C1**, (5) **Hoàng Thị Ngọc O**, (6) **Hoàng Ngọc C2**, (7) **Hoàng Ngọc T1**, (8) **Hoàng Thị Liên H4**, (9) **Hoàng Thị Bé E**, (10) **Hoàng Thị H5**, (11) **Hoàng Thị L1** và (12) **Hoàng Thị Như T2**. Như vậy, mỗi kỷ phần được nhận tương ứng với giá trị là 5.562.021.483 đồng (năm tỷ, năm trăm sáu mươi hai triệu, không trăm hai mươi một nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng).

[2.2.5]. Về chia hiện vật:

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì thấy thửa đất số 508 có vị trí nằm tiếp giáp phía sau nhà và đất của bà **Hoàng Thị Q** đang sử dụng đã được **UBND thành phố Đ** cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021793 ngày 20/3/2023 nên cần giao phần diện tích nhà và đất tại thửa đất số 508 cho bà **Q** được quyền sở hữu, sử dụng. Còn nhà và đất tại thửa đất số 299 giao cho ông **S** được quyền sở hữu, sử dụng là phù hợp với điểm h khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 44 Luật Đất đai, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8 Luật Nhà ở năm 2023 và tinh thần Án lệ số 68/2023/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đồng thời, đương sự nào nhận tài sản có giá trị nhiều hơn kỷ phần được nhận thì có nghĩa vụ bồi đắp giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế. Cụ thể, ông **S** có nghĩa vụ bồi đắp cho các đồng thừa kế như sau:

+ Bồi đắp cho bà **Hoàng Thị B**, bà **Hoàng Thị C** mỗi người số tiền là 5.562.021.483 đồng (năm tỷ, năm trăm sáu mươi hai triệu, không trăm hai mươi một nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng).

+ Bồi đắp cho bà **Hoàng Thị Q** số tiền là 3.880.065.450 đồng (ba tỷ, tám trăm tám mươi mươi triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

+ Những người thuộc hàng thừa kế của bà **Hoàng Thị B2** gồm các ông, bà: (1) **Hoàng Thị M**, (2) **Hoàng Ngọc D**, (3) **Hoàng Thị L**, (4) **Hoàng Thị Kim C1**, (5) **Hoàng Thị Ngọc O**, (6) **Hoàng Ngọc C2**, (7) **Hoàng Ngọc T1**, (8) **Hoàng Thị Liên H4**, (9) **Hoàng Thị Bé E**, (10) **Hoàng Thị H5**, (11) **Hoàng Thị L1** và (12) **Hoàng Thị Như T2** được nhận số tiền là 5.562.021.483 đồng (năm tỷ, năm trăm sáu mươi hai triệu, không trăm hai mươi một nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng). Cụ thể mỗi người được nhận từ ông **S** bồi đắp là 463.501.790 đồng (bốn trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm linh một nghìn, bảy trăm chín mươi đồng).

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc ông **Hoàng Thế S** phải nộp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021627 được **Ủy ban nhân dân thành phố Đ** cấp ngày 30/8/2002 đứng tên bà **Huỳnh Thị E1** và ông **Hoàng L2** (chết) cho cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp ông **S** không nộp thì bà **Hoàng Thị Q** được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3]. Từ các nhận định trên thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của ông **Hoàng Thế S** đề nghị công nhận “Tờ di chúc nội bộ” ngày 16/9/1991 có hiệu lực pháp luật; yêu cầu Tuyên bố Hợp đồng số 3387HVL/C/24.9.2002 lập ngày 24/9/2002 giữa cụ bà **Huỳnh Thị E1** và bà **Hoàng Thị Q** tại **Phòng C** thành phố Đà Nẵng là vô hiệu; hủy nội dung đăng ký biến động ngày 24/09/2002 đã giải quyết cho một phần nhà đất cho bà **Hoàng Thị Q** đối với phần bà **Huỳnh Thị E1** và ông **Hoàng L2** (chết) cho 1 phần DTXD: 75,5m², DTSD: 284m², DT đất ở: 75,50m² và DT đất KV: 19,20m² cho bà **Hoàng Thị Q** theo Hợp đồng số 3387HV1C/24.9.2002

của **Phòng C** tại trang 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3401021627 do **UBND thành phố Đ** cấp ngày 20/8/2002 mang tên bà **Huỳnh Thị E1** và ông **Hoàng L2** (chết); hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà **Hoàng Thị Q** và ông **Hà Thế A** được **UBND thành phố Đ** cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021793 ngày 20/3/2023 tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 06, diện tích 94,7m², địa chỉ **phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng**; đề nghị giao cho ông **S** được quyền sử dụng diện tích đất ở 268m² của thửa đất số 299 và thửa đất số 507, tờ bản đồ số 6 và được quyền sở hữu ngôi nhà 03 tầng + 01 tầng lửng được xây dựng trên diện tích đất theo Di chúc của cụ **L2** và cụ **E1** lập ngày 16/9/1991 là không có cơ sở chấp nhận.

[4]. Đối với nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hoàng Thị L** về việc yêu cầu xem xét tính công sức chăm sóc nuôi dưỡng cụ **Huỳnh Thị E1** và cụ **Huỳnh Thị L4** khi còn sống và công sức quản lý di sản từ sau khi 2 cụ chết thấy rằng:

Bà **L** là cháu ngoại cụ **L4**, cụ **E1**, bà có hộ khẩu tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngoài lời khai của bà **L** thì không có chứng cứ chứng minh bà **L** là người chăm sóc cụ **L4**, cụ **E1** khi hai cụ còn sống. Tại phiên toà, bà **L** thừa nhận không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bà là người có công trong việc bảo quản, giữ gìn, tôn tạo di sản của cụ **E1** để lại, trong khi đó phía bị đơn không thừa nhận bà **L** có công sức trong việc bảo quản, tôn tạo để làm tăng giá trị di sản. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà **L** cũng không có yêu cầu. Do đó, yêu cầu kháng cáo này của bà **L** là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng sau khi đánh giá toàn diện, khách quan các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Hoàng Thế S** về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ **Huỳnh Thị E1** đối với thửa đất số 299 và thửa đất số 508; đồng thời bác các yêu cầu khởi kiện còn lại của ông **S** là có cơ sở. Vì vậy, kháng cáo của nguyên đơn ông **Hoàng Thế S** và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hoàng Thị L** không được chấp nhận; quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[6]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm đúng quy định nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét lại.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật, tuy nhiên do ông **Hoàng Thế S**, bà **Hoàng Thị L** là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông **Hoàng Thế S**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hoàng Thị L**. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2024/DS-ST ngày 10/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông **Hoàng Thế S**, bà **Hoàng Thị L** được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà **Hoàng Thị L** 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003871 ngày 24/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm, chậm thi hành án được thi hành theo Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2024/DS-ST ngày 10/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Đức Kiên